

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, HÀNH VI VỀ VỆ SINH ATTP CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TIỂU HỌC HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Phạm Đức Minh^{*}

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành về vệ sinh an toàn thực phẩm của học sinh 2 trường tiểu học Đông Giang và Hồng Việt của huyện Đông Hưng, Thái Bình.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Điều tra cắt ngang mô tả kiến thức, thái độ, thực hành (KAP) về An toàn thực phẩm (ATTP) của 457 học sinh tiểu học ở 2 trường Tiểu học Đông Giang và Hồng Việt trong 2 xã Đông Giang và Hồng Việt, thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Kết quả: Một số nội dung kiến thức có tỷ lệ đạt yêu cầu cao như: 86% biết uống nước lã sẽ sinh bệnh, 94,3% biết ăn bẩn sẽ sinh bệnh, 92,8% cho rằng ruồi bọ đậu vào thức ăn sẽ bị hỏng, hầu hết cho rằng phải rửa tay trước khi ăn (99,1%) và sau khi đi vệ sinh (98,2%) cũng như sau khi nghịch bẩn (97,6%). Trong tình huống bị tiêu chảy: có 54,3% các em biết phải báo cho người lớn. 40,5% cho rằng báo báo cho bố mẹ, thầy cô để được cho uống thuốc và 58,2% biết sẽ được đưa đến cơ sở y tế khám chữa bệnh nếu báo cho người lớn biết. Đa số các nội dung đánh giá về thái độ ATTP đều cho kết quả đạt yêu cầu cao. Trong sinh hoạt hàng ngày, trung bình một ngày mỗi học sinh trường tiểu học rửa tay 5,2 lần (45,1% tổng số cơ hội rửa tay) và trong đó chỉ có 3,7 lần rửa tay bằng xà phòng và nước sạch (chiếm 73,6% số lần thực hành rửa tay). Tỷ lệ tiêu chảy chung trong 2 tuần là 2,4%. Kết luận: Tỷ lệ KAP về ATTP đạt yêu cầu chưa cao và tồn tại khoảng cách lớn từ kiến thức tới thực hành ATTP đạt yêu cầu của học sinh tiểu học.

Từ khóa: An toàn thực phẩm, tiêu chảy do thực phẩm, KAP.

ABSTRACT

KAP REALITY OF FOOD SAFETY OF STUDENTS OF ELEMENTARY SCHOOL, DONG HUNG DISTRICT, THAI BINH PROVINCE

1. Bộ môn/Khoa Dinh dưỡng - BVQY103/Học viện Quân y

^{*} Chịu trách nhiệm chính: Phạm Đức Minh

Email: ducminh.pham@vmmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 09/6/2022

Ngày phản biện: 28/6/2022

Ngày duyệt bài: 01/7/2022

Objective: Determining the current status of knowledge, attitude and practice on food hygiene and safety of students in 2 primary schools Dong Giang and Hong Viet in Dong Hung district, Thai Binh province.

Methods: A descriptive cross-sectional survey of knowledge, attitudes and practices (KAP) on food safety of 457 primary school students in 2 primary schools Dong Giang and Hong Viet in 2 communes Dong Giang and Hong Viet in Hung district, Thai Binh province.

Results: Some knowledge content has a high satisfactory rate such as: 86% know that drinking cold water will cause disease, 94,3% know that eating dirty will cause disease, 92,8% believe that flies that land on food will be infected, most said that they should wash their hands before eating (99,1%) and after going to the toilet (98,2%) as well as after playing dirty (97,6%). In the case of diarrhea: 54,3% of the children knew to tell an adult. 40,5% said that they would notify their parents and teachers to be given medicine and 58,2% would be taken to a medical facility for medical examination and treatment if an adult was informed. Most of the evaluations on food safety attitudes gave satisfactory results. In daily activities, on average, each student at School washes their hands 5,2 times a day (accounting for 45,1% of the total number of opportunities to wash hands) and in which there are only 3,7 times of washing hands with soap and clean water (accounting for 73,6% of hand washing practices). The overall rate of acute diarrhea was 2,4% in 2 weeks. Conclusions: The rate of satisfactory food safety KAP was not high and there was a large gap from satisfactory food safety knowledge to good practice among primary school students.

Keywords: Food safety, food-borne diarrhea, KAP

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, vấn đề ngộ độc thực phẩm tại trường học hết sức báo động. Từ năm 2010 đến 2015, cả nước có trên 38 vụ ngộ độc thực phẩm tại bếp ăn tập thể trường học khiến trên

1.400 người phải nhập viện. Số vụ ngộ độc thực phẩm trường học tập trung nhiều nhất tại khu vực miền núi phía Bắc với 12 vụ và ở vùng Đông Nam Bộ với 10 vụ [1].

Đáng chú ý là các vụ ngộ độc thực phẩm tại trường học thường xảy ra vào tháng 3, là thời điểm có sự thay đổi về thời tiết tạo điều kiện cho vi sinh vật phát triển. Để phòng tránh và giảm thiểu các vụ ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm cần tuyên truyền, giáo dục tới mọi người trong cộng đồng nói chung, nhà trường và các em học sinh nói riêng.

Kiến thức, thái độ và thực hành của học sinh về vệ sinh an toàn thực phẩm có liên quan chặt chẽ tới tình trạng ngộ độc thực phẩm và các bệnh lây truyền qua thực phẩm. Xuất phát từ lí do trên chúng tôi tiến hành đề tài nhằm mục tiêu: “Khảo sát kiến thức, thái độ, hành vi về VSATTP của học sinh của một số trường tiểu học huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.”

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

457 học sinh ở 2 trường Tiểu học Đông Giang và Hồng Việt trong 2 xã Đông Giang và Hồng Việt, thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình từ tháng 12/2014 đến tháng 2/2015

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu:

Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang kết hợp nghiên cứu định lượng.

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu:

Phỏng vấn chủ hộ gia đình và các em học sinh lứa tuổi tiểu học bằng bảng hỏi đã được thiết kế trước.

III. KẾT QUẢ

3.1. Một số đặc điểm của địa bàn và đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.1. Số học sinh tại 2 trường tiểu học Đông Giang và Hồng Việt

Tên trường	Số lượng	Tỷ lệ %
TH Đông Giang	212	46,4
TH Hồng Việt	245	53,6
Tổng số	457	100

Nhận xét: Trong số 457 học sinh tiểu học điều tra có 212 em (chiếm 46,4%) học tại trường TH Đông Giang, còn lại, 245 em (53,6%) học tại trường TH Hồng Việt

2.3. Nội dung và các chỉ số nghiên cứu.

Nội dung	Chỉ số	Cách thu thập thông tin
1. Một số đặc điểm của HGD và học sinh lứa tuổi tiểu học	- Tuổi, giới tính, học vấn, nghề nghiệp... - Tên trường - Địa chỉ gia đình, số điện thoại bố/mẹ	Phiếu thu thập thông tin
2. Kiến thức, thái độ của học sinh về ATTP	- Biết về ATTP, nguồn cung cấp thông tin - Nội dung thông tin về VSATTP - Các khâu ảnh hưởng đến VSATTP - Nguyên nhân ngộ độc thực phẩm - Trường hợp cần thiết phải rửa tay - Về tập quán ăn uống	Phỏng vấn trực tiếp học sinh
3. Thực hành một số nội dung về ATTP	- Tập quán ăn uống - Rửa tay trước khi ăn, sau tiếp xúc đất bẩn - Rửa tay bằng xà phòng - Số bữa ăn, số lần rửa tay trong ngày	Phỏng vấn trực tiếp học sinh

2.4. Xử lý số liệu

Số liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 16.0

3.1.2. Một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu.**Bảng 3.2. Tỷ lệ đối tượng điều tra phân theo giới tính (n=457)**

Giới tính	Số lượng	Tỷ lệ
Nam	243	53,2
Nữ	214	46,8
Tổng số	457	100

Nhận xét: Nhóm nghiên cứu có 243 em là học sinh nam, chiếm 53,2% và 214 em học sinh nữ, chiếm 46,8%.

Bảng 3. 3. Tỷ lệ đối tượng điều tra phân theo lứa tuổi (n=457)

Lứa tuổi	Số lượng	Tỷ lệ%
6 tuổi	111	24.3
7 tuổi	90	19.7
8 tuổi	99	21.7
9 tuổi	98	21.4
10 tuổi	59	12.9
Tổng số	457	100.0

Nhận xét: Nhóm nghiên cứu có 111 học sinh 6 tuổi chiếm 24,3%, 90 em 7 tuổi (19,7%). Tỷ lệ các em 8,9,10 tuổi lần lượt là 21,7%, 21,4%, 12,9%.

Bảng 3.4. Tỷ lệ đối tượng bị tiêu chảy cấp (n=457)

Trường TH	Tiêu chảy cấp				Tổng	p
	Có		Không			
	SL	TL	SL	TL		
Đông Giang (n = 212) (1)	4	1.9	208	98.1	212	>0,05
Hồng Việt (n = 245) (2)	7	2.9	238	97.1	245	
Tổng	11	2.4	446	97.6	457	

Nhận xét: Có 11 ca (chiếm 2,4%) bị tiêu chảy cấp trong thời gian nghiên cứu. Tỷ lệ tiêu chảy cấp của Trường Hồng Việt (2,9%) cao hơn trường Đông Giang (1,9%) không có ý nghĩa thống kê.

3.2. Phân tích kết quả khảo sát về kiến thức, thái độ, hành vi về ATTP của học sinh tiểu học**3.2.1. Đánh giá kiến thức về ATTP****Bảng 3.5. Kiến thức an toàn thực phẩm của học sinh hai trường tiểu học**

Kiến thức ATTP đạt yêu cầu	Đồng ý		Không đồng ý	
	SL	TL(%)	SL	TL(%)
N = 457				
Uống nước lã sẽ sinh bệnh	393	86	64	14
Ăn bẩn sẽ sinh bệnh	431	94,3	26	5,7
Ruồi bọ đậu vào thức ăn sẽ bị hỏng	424	92,8	33	7,2
Phải rửa tay trước khi ăn	453	99,1	4	0,9
Phải rửa tay sau khi đi vệ sinh	449	98,2	8	1,8
Phải rửa tay sau khi nghịch bẩn	446	97,6	11	2,4
Bị tiêu chảy phải báo người lớn	248	54,3	209	45,7
Bị tiêu chảy phải uống thuốc	185	40,5	272	59,5
Bị tiêu chảy phải đi khám	267	58,4	190	41,6
Bị tiêu chảy không biết làm thế nào	14	3,1	443	96,9

Nhận xét:

Đa số các em hiểu đúng về ATTP: 86% biết uống nước lã sẽ sinh bệnh, 94,3% biết ăn bần sẽ sinh bệnh, 92,8% cho rằng ruồi bọ đậu vào thức ăn sẽ bị hỏng, hầu hết cho rằng phải rửa tay trước khi ăn (99,1%) và sau khi đi vệ sinh (98,2%) cũng như sau khi nghịch bần (97,6%)

Trong tình huống bị tiêu chảy: có 54.3% các em biết phải báo cho người lớn. 40.5% cho rằng báo báo cho bố mẹ, thầy cô để được cho uống thuốc và 58.2% biết sẽ được đưa đến cơ sở y tế khám chữa bệnh nếu báo cho người lớn biết. Tuy nhiên vẫn còn một số nhỏ các em (3.1%) không biết làm thế nào khi bị tiêu chảy.

3.2.2. Đánh giá về thái độ với ATTP.**Bảng 3.6. Thái độ về ATTP của học sinh hai trường tiểu học**

Thái độ ATTP khảo sát	Có		Không		Không biết	
	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
	(n= 457)					
Phải đun sôi nước trước khi uống	445	97,4	6	1,3	6	1,3
Thích ăn uống ở quán bán ngoài đường ngoài chợ	119	26	329	72	9	2
Lo lắng sẽ bị bệnh nếu ăn thức ăn bần	417	91,2	37	8,1	3	0,7
Cần rửa tay trước khi ăn	449	98,2	4	0,9	4	0,9
Cần rửa tay sau khi đi vệ sinh	442	96,7	10	2,2	5	1,1
Cần rửa tay sau khi nghịch bần	428	93,7	21	4,6	8	1,8
Bị tiêu chảy cần khám và điều trị	413	90,4	33	7,2	11	2,4

Nhận xét:

Đa số các em có thái độ đúng với ATTP: 97,4% cho rằng phải đun sôi nước trước khi uống, 91,2% lo lắng sẽ bị bệnh nếu ăn thức ăn bần. Tỷ lệ đồng ý cần rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và sau khi nghịch bần lần lượt là 98,2%, 96,7%, 93,7%. Hầu hết (90,4%) các em nhận thức được khi bị tiêu chảy cần khám và điều trị. Phần lớn học sinh (72%) không thích ăn hàng quán.

3.2.3. Đánh giá thực hành về ATTP**Bảng 3.7. Tổng số lần rửa tay và số lần rửa tay bằng xà phòng, nước sạch trong ngày**

Vệ sinh tay	Trường	TB $\pm$ DLC	95%CI	P
Cơ hội rửa tay	Đông Giang (n = 212) (1)	11.9 $\pm$ 2.6	11.6 $\div$ 12.3	$p_{12}>0,05^*$
	Hồng Việt (n = 245) (2)	11.9 $\pm$ 2.0	11.6 $\div$ 12.2	
	Chung	11.9 $\pm$ 2.3	11.7 $\div$ 12.1	
Số lần rửa tay	Đông Giang (n = 212) (1)	5.5 $\pm$ 2.6	5.1 $\div$ 5.8	$p_{12a}<0,05^*$
	Hồng Việt (n = 245) (2)	5.0 $\pm$ 2.4	4.7 $\div$ 5.3	
	Chung	5.2 $\pm$ 2.5	5.0 $\div$ 5.5	
Số lần rửa tay bằng xà phòng và nước sạch	Đông Giang (n = 212) (1)	4.0 $\pm$ 2.0	3.7 $\div$ 4.3	$p_{12a}<0,05^*$
	Hồng Việt (n = 245) (2)	3.4 $\pm$ 2.0	3.1 $\div$ 3.6	
	Chung	3.7 $\pm$ 2.0	3.5 $\div$ 3.9	

* ANOVA, F test

Nhận xét: Tổng số lần rửa tay trong ngày của học sinh tiểu học Đông Giang là 5,5 lần, trong đó có 4,0 lần rửa tay bằng xà phòng và nước sạch. Ở trường tiểu học Hồng Việt, tổng số lần rửa tay của các em học sinh là 5,0 lần, trong đó có 3,4 lần rửa tay bằng xà phòng và nước sạch. Sự khác nhau giữa 2 trường tiểu học là có ý nghĩa thống kê.

Tính chung cho 2 trường, số cơ hội rửa tay trong ngày là 11,9, tổng số lần rửa tay trong ngày của học sinh tiểu học là 5,2 lần, trong đó có 3,7 lần rửa tay bằng xà phòng và nước sạch.

Bảng 3.8. Tỷ lệ tổng số lần rửa tay/ tổng số cơ hội rửa tay trong ngày

TL tổng số lần RT /tổng số CHRT trong ngày (%)	TB $\pm$ ĐLC	95%CI	p
Đông Giang (n = 212) (1)	47.5 $\pm$ 25.2	44.1 $\div$ 50.9	p _{12a} <0,05*
Hồng Việt (n = 245) (2)	42.9 $\pm$ 21.4	40.3 $\div$ 45.6	
Chung	45.1 $\pm$ 23.3	42.9 $\div$ 47.2	

* ANOVA, F test

RT: rửa tay; CHRT: cơ hội rửa tay.

Nhận xét: Tỷ lệ (%) tổng số lần RT /tổng số CHRT trong ngày của Đông Giang (49.5 $\pm$ 25.2) cao hơn Hồng Việt (42.9 $\pm$ 21.4) có ý nghĩa thống kê (p<0,05). Tỷ lệ rửa tay chung cho cả 2 trường là 45,1%.

Bảng 3.9. So sánh tỷ lệ số lần rửa tay bằng xà phòng và nước sạch/ tổng số lần rửa tay trong ngày

TL tổng số lần RTXPNS /tổng số lần RT trong ngày (%)	TB $\pm$ ĐLC	95%CI	p
Đông Giang (n = 212) (1)	77.7 $\pm$ 30.2	73.6 $\div$ 81.8	p _{12a} <0,01*
Hồng Việt (n = 245) (2)	70.0 $\pm$ 25.7	66.7 $\div$ 73.2	
Chung	73.6 $\pm$ 28.1	71.0 $\div$ 76.1	

* ANOVA, F test

RT: rửa tay; RTXPNS: rửa tay bằng xà phòng và nước sạch.

Nhận xét: Tỷ lệ (%) tổng số lần RTXPNS /tổng số lần RT trong ngày của Đông Giang (77.7 $\pm$ 30.2) cao hơn Hồng Việt (70.0 $\pm$ 25.7) với sự khác nhau có ý nghĩa thống kê (p<0,01). Tỷ lệ RTXPNS chung cho cả 2 trường là 73,6%.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Một số đặc điểm của địa bàn và đối tượng nghiên cứu.

Tổng số đối tượng điều tra là 457 em học sinh, học ở 2 trường TH Đông Giang và TH Hồng Việt thuộc 2 xã Đông Giang và Hồng Việt, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình trả lời phỏng vấn. Trong đó Số học sinh trường TH Đông Giang/Số học sinh trường TH Hồng Việt = 212/245 học sinh, có 243 em là học sinh nam, chiếm 53,2% và 214 em học sinh nữ, chiếm 46,8%.

Qua điều tra, cho thấy số lượng ít các em bị tiêu chảy cấp (2,4%) và nguyên nhân chưa rõ ràng. Con số tuy không lớn cần được lưu ý vì liên quan tới sức khỏe của học sinh. Chính vì vậy vấn đề an toàn thực phẩm đối với các em học sinh phải được quan tâm cấp thiết, ở trường lớp, ở hộ gia đình, từ thầy cô giáo cho tới ba mẹ ông bà và những người xung quanh các em. Nghiên cứu này đã đi vào đánh giá kiến thức thái độ hành vi về vệ sinh an toàn thực phẩm của các em từ đó đưa ra hướng giải quyết tối ưu nhất cho vấn đề này.

4.2. Kiến thức, thái độ, hành vi về ATTP của học sinh tiểu học

4.2.1 Đánh giá kiến thức về ATTP của học sinh tiểu học

Kết quả từ một số nghiên cứu về thực trạng kiến thức thái độ thực hành (KAP) của người dân trong cộng đồng cho thấy đa số chưa có KAP đầy đủ, đặc biệt là về bảo quản thực phẩm và vệ sinh tay [2, 3]. Qua các số liệu ở trên ta có thể thấy kiến thức của các em học sinh tiểu học về ATTP tương đối đầy đủ, hầu hết các em đều ý thức được những hành động nào là đúng là cần thiết để đảm bảo ATTP. Tuy nhiên cách xử lý tình huống khi bị tiêu chảy thì chỉ có xấp xỉ một nửa các em biết phải báo cho bố mẹ thầy cô. Điều này thực sự là một vấn đề cần được quan tâm đưa vào chương trình giáo dục về VSATTP đối với học sinh tiểu học, để giúp các em ứng xử đúng khi gặp tình huống bị tiêu chảy như trên.

4.2.2. Đánh giá về thái độ với ATTP.

Khi được hỏi có 97.4% các em cho rằng cần đun nước sôi trước khi uống, một tỷ lệ kiến thức đạt rất cao là điều quan trọng trong đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm hàng ngày.

Trẻ em luôn thích ăn đồ ngọt và việc ăn vặt đã trở thành một thói quen khó bỏ với hầu hết các em

ở lứa tuổi tiểu học. Tuy vậy khi được hỏi thì chỉ có 26% các em trả lời thích ăn uống ở các quán bán hàng ngoài đường ngoài chợ. Trong khi đó 72% các em không thích ăn ở những nơi như vậy. 91.2% các em có sự lo lắng sẽ bị bệnh nếu ăn đồ ăn bẩn mất vệ sinh. Điều này cho thấy ý thức của các em về việc đồ ăn có sạch hay không, có đảm bảo hay không đã được xây dựng khá tốt.

Khi đánh giá về thái độ của các em về việc rửa tay ta cũng nhận được kết quả khá là khả quan. Trong đó: 98.2% cho rằng cần rửa tay trước khi ăn, 96.7% thấy cần phải rửa tay sau khi đi vệ sinh và cũng trên 90% (93.7%) biết cần phải rửa tay sau khi nghịch bẩn.

Mặc dù kiến thức về tiêu chảy cấp và cách xử sự của các em còn không rõ ràng như đã phân tích ở trên song cũng đã có 90.4% các em được hỏi cho rằng việc đi khám và điều trị khi bị tiêu chảy cấp là cần thiết.

Sau tất cả những phân tích kể trên ta có thể thấy thái độ của học sinh tiểu học ở hai trường được nghiên cứu về ATTP khá là đúng đắn khi đa số các em đều có ý thức trong việc ăn chín uống sôi, có sự quan tâm nhất định đến chất lượng vệ sinh của đồ ăn cũng như lo lắng bị bệnh khi ăn đồ ăn bẩn.

4.3. Thực trạng thực hành an toàn thực phẩm

Theo dõi thực hành - rửa tay trong sinh hoạt hàng ngày cho thấy trung bình một ngày mỗi học sinh có số cơ hội rửa tay trong ngày là 11,9, tổng số lần rửa tay trong ngày của học sinh tiểu học là 5,2 lần, trong đó có 3,7 lần rửa tay bằng xà phòng và nước sạch.

Như vậy trong sinh hoạt hàng ngày, các học sinh vẫn bỏ qua trên một nửa số cơ hội có thể rửa tay và chỉ 70% trong số các lần rửa tay bằng xà phòng và nước sạch. Rửa tay tuy đơn giản nhưng được các nhà khoa học ví như vaccine dự phòng bệnh truyền qua thực phẩm nói riêng và một số bệnh truyền nhiễm khác [4].

Kết quả nghiên cứu này cho thấy sự chuyển biến từ kiến thức, thái độ tới thực hành là một quá trình dài và liên quan chặt chẽ với nhau, tuy nhiên tỷ lệ thực hành đạt yêu cầu có xu hướng giảm nhiều so kiến thức đạt yêu cầu. Một số nghiên cứu đã chỉ ra tầm quan trọng của KAP về ATTP, trong đó thực hành là yếu tố liên quan trực tiếp tới đảm bảo chất lượng ATTP [5]. Kết quả của nghiên cứu này cũng phù hợp với một số nghiên cứu khác như Nguyễn Thanh Nga và cs. (2013) [6], Takanashi và cs. (2009) [7]

V. KẾT LUẬN

Khảo sát KAP về ATTP ở 457 học sinh tiểu học cho thấy:

Một số nội dung kiến thức có tỷ lệ đạt yêu cầu cao như: 86% biết uống nước lã sẽ sinh bệnh, 94,3% biết ăn bẩn sẽ sinh bệnh, 92,8% cho rằng ruồi bọ đậu vào thức ăn sẽ bị hỏng, hầu hết cho rằng phải rửa tay trước khi ăn (99,1%) và sau khi đi vệ sinh (98,2%) cũng như sau khi nghịch bẩn (97,6%). Trong tình huống bị tiêu chảy: có 54.3% các em biết phải báo cho người lớn. 40.5% cho rằng báo báo cho bố mẹ, thầy cô để được cho uống thuốc và 58.2% biết sẽ được đưa đến cơ sở y tế khám chữa bệnh nếu báo cho người lớn biết. Đa số các nội dung đánh giá về thái độ ATTP đều cho kết quả đạt yêu cầu cao.

Trong sinh hoạt hàng ngày, trung bình một ngày mỗi học sinh trường TH rửa tay 5,2 lần (45,1% tổng số cơ hội rửa tay) và trong đó chỉ có 3,7 lần rửa tay bằng xà phòng và nước sạch (chiếm 73,6% số lần thực hành rửa tay).

Tỷ lệ tiêu chảy chung trong 2 tuần là 2,4%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Thu, N.T.X.**, thực trạng điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của các bếp ăn tập thể trường tiểu học, mầm non công lập huyện từ liêm – hà nội năm 2010. 2011.
2. **Hùng, Đ.N. and N.T.K.** Thương, Điều tra hiểu biết của người tiêu dùng về vệ sinh an toàn thực phẩm tại thành phố Đà Nẵng năm 2012. Tạp chí y học thực hành, 2014. 933+934: p. 242-246.
3. **Hạnh, L.T.**, “đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành về vệ sinh an toàn thực phẩm của nhận dân xã thụy liên, huyện thái thụy tỉnh thái bình. 2007.
4. **Ejemot-Nwadiaro, R.I., et al.**, Hand washing promotion for preventing diarrhoea. Cochrane Database Syst Rev, 2015. 9(9): p. CD004265.
5. **Nam, N.H.**, Nghiên cứu thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành về vệ sinh an toàn thực phẩm của người tiêu dùng tại 10 tỉnh, năm 2009. 2010, Học viện Quân y: Hà Nội.
6. **Nga, N.T., L.Q. Hùng, and N.T. Hà**, Khảo sát kiến thức về an toàn thực phẩm của người chăm sóc trẻ từ 2 đến 5 tuổi tại hộ gia đình xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội năm 2011. Tạp chí Y học Việt Nam, 2013. 401(1): p. 13-17.
7. **Takanashi, K., et al.**, Survey of Food-hygiene Practices at Home and Childhood Diarrhoea in Hanoi, Viet Nam. J Health Popul Nutr, 2009. 27(5): p. 602-611.